

Số: 1422/2026/QĐST-HNGĐ

TP., ngày 02 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1293/2026/HNST ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: Ông Nguyễn Triệu P, sinh năm 1974

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: A Đ, phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Triệu P đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (Giấy chứng nhận kết hôn số 76, ngày 24/10/2005).

Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Triệu P nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống, mặc dù ông P và bà N đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông P và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Triệu Uyên N1, sinh ngày 16/7/2006 và Nguyễn Triệu Tiến Đ, sinh ngày 06/8/2007 (các con đều đã trưởng thành).

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, Tòa án lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Triệu P thuận tình ly hôn.

- Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 24/10/2005 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp cho bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Triệu P không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Triệu Uyên N1, sinh ngày 16/7/2006 và Nguyễn Triệu Tiến Đ, sinh ngày 06/8/2007 (các con đều đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Triệu P chịu được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0030557 ngày 18/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Triệu P đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2, TP. Hồ Chí Minh;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng THADS KV2, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Minh Tú